

Số: 313/KH-HLK

Tây Ninh, ngày 10 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG KHAI
Năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha thực hiện công khai năm học 2025-2026 như sau:

A. MỤC TIÊU, HÌNH THỨC CÔNG KHAI

1. Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.
3. Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ: hlk.edu.vn (tối thiểu 05 năm) và niêm yết tại bảng thông báo (tối thiểu 90 ngày).

B. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha.
2. Thông tin trụ sở
 - Địa chỉ: số 368, đường Trường Chinh, khu phố 6, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.
 - Điện thoại: 0276.3822860.
 - Email: c3hoanglekha.tayninh@moet.edu.vn.
 - Website: hlk.edu.vn.
3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường THPT công lập do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý trực tiếp.
4. Mục tiêu của cơ sở giáo dục: học sinh đạt kết quả tốt trong rèn luyện và học tập nhằm phát triển năng khiếu về một số môn học trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện, tạo nguồn đào tạo nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.
5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha được thành lập theo Quyết định số 51/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 7 năm 1994 của UBND tỉnh Tây Ninh. Lúc mới thành lập, trường có diện tích 9.439,7m² tại địa chỉ số 23, đường Võ Thị Sáu, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Khi mới thành lập, cơ sở vật chất của trường chủ yếu tiếp quản từ cơ sở vật chất của Trường Trung học Sư phạm Tây Ninh cũ được xây dựng từ những năm 70 thế kỷ XX. Sau đó, cùng với sự phát triển của số lớp học, số HS tăng lên thì trường chuyên cũng

được đầu tư xây dựng thêm một số công trình như xây thêm dãy phòng học (năm 2001, năm 2004), thư viện, nhà thi đấu đa năng (năm 2002),...

Đến tháng 8/2018, sau khi được đầu tư xây dựng mới, Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha đã chuyển sang cơ sở mới có diện tích 32.541m² tại địa chỉ số 368 đường Trường Chinh, khu phố 6, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.

6. Thông tin người đại diện

- Họ và tên: Ngô Khắc Đức.
- Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Điện thoại: 0986286440.
- Email: ngokhacduc.hlk@moet.edu.vn.

7. Tổ chức bộ máy (kèm file các quyết định)

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 51/QĐ-UBND, ngày 12/7/1994 của UBND tỉnh Tây Ninh.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và thành viên: Quyết định số 488/QĐ-SGDĐT, ngày 03/02/2021 và Quyết định số 516/QĐ-SGDĐT, ngày 05/02/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 4660/QĐ-SGDĐT, ngày 28/10/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định điều động, bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 4930/QĐ-SGDĐT, ngày 15/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 823/QĐ-SGDĐT, ngày 24/02/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

d) Quy chế tổ chức, hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Quyết định số 1656/QĐ-UBND, ngày 05/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường trung học phổ thông chuyên Hoàng Lê Kha trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

e) Kế hoạch giáo dục: Kế hoạch số 301/KH-HLK, ngày 08/9/2025 của Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha về Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026.

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Căn cứ thu, chi năm 2025

- Căn cứ Quyết định số 144/QĐ-SGDĐT, ngày 13/01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ.

- Trên cơ sở số liệu tài chính theo Quyết định số 144/QĐ-SGDĐT, nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động, sử dụng các nguồn kinh phí tự chủ đúng quy định; thực hiện quản lý, sử dụng các loại quỹ: Quỹ phát triển sự nghiệp giáo dục, Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi phục vụ cho các hoạt động của nhà trường.

2. Số liệu thu, chi năm 2025

a) Ngân sách cấp: 32.595.270.000đ.

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: 26.016.270.000đ.
- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 6.579.000.000đ.
- b) Nguồn thu khác (học phí): Học sinh được miễn học phí.
- c) Số liệu chi năm 2024 và 6 tháng năm 2025

Công khai dự toán thu chi năm 2024 (tính đến 31/12/2024)

Nội dung/ nguồn chi	Dự toán thu năm 2024	Dự toán chi năm 2024
Dự toán năm trước chuyển sang	125.418.928	
Dự toán giao	24.707.650.000	
Dự toán bổ sung	2.192.399.000	
Dự toán thu	27.025.467.928	
Tổng chi (I+II)		26.872.328.341
I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ		22.133.983.928
Tiền lương		7.746.161.357
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		279.924.360
Phụ cấp lương		9.099.126.397
Các khoản đóng góp (theo lương)		2.244.895.336
Tiền thưởng		164.034.000
Chi lập các quỹ		905.479.710
Thanh toán dịch vụ công cộng		191.612.596
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		24.116.002
Công tác phí		181.623.250
Chi phí thuê mướn		27.573.100
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn		9.000.000
Vật tư văn phòng		28.399.016
Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành		1.138.072.504
Chi công tác Đảng		49.189.600
Chi khác		44.776.700
II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		4.738.344.413
Học bổng học sinh		3.144.150.000
Tiền thưởng theo ND 73		452.831.537
Công tác phí		155.275.000
Chi phí thuê mướn		84.808.000
Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành		664.377.076
Chi khác (tiền tết)		58.800.000
Mua sắm bàn ghế		178.102.800
Kinh phí giảm trong năm		153.139.587
Dự toán bị hủy (kinh phí thường xuyên)		72.000.000

Nội dung/ nguồn chi	Dự toán thu năm 2024	Dự toán chi năm 2024
Dự toán bị hủy (kinh phí không thường xuyên)		77.547.200
Dự toán bị hủy (kinh phí không thường xuyên)		1.389.924
Dự toán bị hủy (kinh phí không thường xuyên) Tiền thưởng		2.202.463

Công khai dự toán thu chi 6 tháng năm 2025 (tính đến 31/5/2025)

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	32,667,270,000	19,244,864,315	127.53%	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	26,016,270,000	14,459,097,315	55.58%	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6,651,000,000	4,785,767,000	71.96%	

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

TT	Vị trí việc làm	Cơ cấu hạng chức danh theo Đề án VTVL đã được phê duyệt năm 2024					Số lượng viên chức hiện có (tính đến ngày 30/8/2025)				
		Tổng số viên chức được giao	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số viên chức hiện có	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV
1	Hiệu trưởng	1	1				1	1			
2	Phó Hiệu trưởng	2		2			2		2		
3	Giáo viên	88	10	51	27		75		35	40	
4	Tổng phụ trách Đội	0					0				
5	Thiết bị, thí nghiệm	4				4	1				1
6	Giáo vụ	2				2	2				2
7	Tư vấn học sinh	1				1	0				
8	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0					0				
9	Thư viện viên	1		1			1			1	
10	Quản lý CNTT	3			3		1			1	
11	Văn thư viên	1			1		0				
12	Kế toán viên	1			1		1			1	
13	Thủ quỹ	1				1	0				
14	Y tế học đường	1				1	1				1
		106	11	54	32	9	85	1	37	43	4

b) Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 89/89, tỷ lệ: 100%.

c) Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm: 89/89, tỷ lệ: 100%.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a) Cơ sở vật chất

TT	Cơ sở vật chất	Số liệu				Ghi chú
		Tổng số	Phòng kiên cố	Phòng bán kiên cố	Phòng tạm	
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập					
1	Phòng học	28	27			
2	Phòng học bộ môn	12	12			
3	Khối phục vụ học tập	25	25			
II	Khối phòng hành chính - quản trị	15	15			
III	Thư viện	1	1			
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)					
1	Khu nội trú	26	26			
2	Nhà ăn (Căng tin)	1	1			

Nhà trường có diện tích khuôn viên 32.541m², có cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học. Có đủ phòng dạy học 2 ca, phòng làm việc; có thư viện đạt chuẩn, phòng thực hành bộ môn, có đầy đủ thiết bị dạy học đạt chuẩn tối thiểu. Hệ thống hàng rào, cổng trường hoàn chỉnh, khuôn viên nhà trường rộng rãi.

b) Tài liệu học tập, sử dụng

- Tài liệu chuyên sâu dùng cho các môn chuyên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sách giáo khoa:

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12					
STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng chủ biên/ Chủ biên	Tên Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Toán 12	Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng	Giáo dục Việt Nam	
2	Vật lý 12	Chân trời sáng tạo	Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải	Giáo dục Việt Nam	
3	Hóa học 12	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác	Giáo dục Việt Nam	
4	Sinh học 12	Chân trời sáng tạo	Tổng Xuân Tám	Giáo dục Việt Nam	
5	Ngữ văn 12	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi	Giáo dục Việt Nam	
6	Lịch sử 12	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	
7	Địa lý 12	Cánh Diều	Lê Thông	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	
8	Giáo dục Kinh tế và pháp luật 12	Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)	
9	Giáo dục thể chất 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam	
10	Giáo dục QPAN 12	Cánh Diều	Nguyễn Thiện Minh	Đại học Sư phạm	
11	Tin học 12 (hướng ứng dụng, lớp chuyên theo hướng lập trình)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	Giáo dục Việt Nam	
12	Công nghệ 12 (Nông nghiệp)	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	
13	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 12	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo dục Việt Nam	
14	Tiếng Anh 12	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam	
15	Mỹ thuật 12				
16	Âm nhạc 12	Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải	Giáo dục Việt Nam	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11					
STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng chủ biên/ Chủ biên	Tên Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Toán 11	Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng	Giáo dục Việt Nam	
2	Vật lý 11	Chân trời sáng tạo	Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải	Giáo dục Việt Nam	
3	Hóa học 11	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác	Giáo dục Việt Nam	
4	Sinh học 11	Chân trời sáng tạo	Tổng Xuân Tám	Giáo dục Việt Nam	
5	Ngữ văn 11	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi	Giáo dục Việt Nam	
6	Lịch sử 11	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình	Đại học Sư phạm)	
7	Địa lý 11	Cánh Diều	Lê Thông	Đại học Sư phạm)	
8	Giáo dục Kinh tế và pháp luật 11	Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Đại học Huế	
9	Giáo dục thể chất 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam	
10	Giáo dục QPAN 11	Cánh Diều	Nguyễn Thiện Minh	Đại học Sư phạm	
11	Tin học 11 (hướng ứng dụng, lớp chuyên theo hướng lập trình)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	Giáo dục Việt Nam	
12	Công nghệ 11 (Công nghiệp)	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng	Đại học Huế	
13	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 11	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo dục Việt Nam	
14	Tiếng Anh 11	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam	
15	Mỹ thuật 11				
16	Âm nhạc 11				

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10					
STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng chủ biên/ Chủ biên	Tên Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Toán 10	Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng	Giáo dục Việt Nam	
2	Vật lý 10	Chân trời sáng tạo	Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải	Giáo dục Việt Nam	
3	Hóa học 10	Cánh Diều	Cao Cự Giác	Giáo dục Việt Nam	
4	Sinh học 10	Chân trời sáng tạo	Tổng Xuân Tám	Giáo dục Việt Nam	
5	Ngữ văn 10	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi	Giáo dục Việt Nam	
6	Lịch sử 10	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình	Đại học Sư phạm	
7	Địa lý 10	Cánh Diều	Lê Thông	Đại học Sư phạm	
8	Giáo dục Kinh tế và pháp luật 10	Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Đại học Huế	
9	Giáo dục thể chất 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam	
10	Giáo dục QPAN 10	Cánh Diều	Nguyễn Thiện Minh	Đại học Sư phạm	
11	Tin học 10 (hướng ứng dụng, lớp chuyên theo hướng lập trình)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	Giáo dục Việt Nam	
12	Công nghệ 10 (công nghiệp)	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
13	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 10	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo dục Việt Nam	
14	Tiếng Anh 10	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam	
15	Mỹ thuật 10				
16	Âm nhạc 10				

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha đã đạt được kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 (Quyết định số 1825/QĐ-SGDĐT, ngày 01/6/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo) và chuẩn quốc gia mức độ 2 trong năm 2021 (Quyết định số 1326/QĐ-UBND, ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh). Thông tin chi tiết tại: hlk.edu.vn/kd-clgd_chuan-qg

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh: Thực hiện theo phê duyệt của Sở Giáo dục và Đào tạo. Hình thức: thi tuyển; thời gian: tháng 6/2026.

b) Kế hoạch giáo dục: Kế hoạch số 301/KH-HLK, ngày 08/9/2025 của Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha về Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế năm học trước (2024-2025):

a) Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi

Năm học 2024-2025: đạt 112 giải HSG vòng tỉnh, 35 giải HSG vòng quốc gia, 42 huy chương Olympic 30/4, 24 huy chương Duyên hải và Đồng bằng Bắc Bộ, 15 huy chương Olympic chuyên Khoa học Tự nhiên, 24 huy chương Trại hè Phương Nam.

b) Công tác nghiên cứu khoa học

- 05 giải Cuộc thi KHKT cấp tỉnh..

- 09 chuyên đề cấp khu vực.

- 29 sáng kiến cấp cơ sở và cấp tỉnh.

c) Tổ chức 09 hội thảo chuyên đề về chuyên môn, 29 tiết dạy học các môn Khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh.

d) Nghiên cứu vận dụng phù hợp, hiệu quả chương trình giáo dục và các phương pháp quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá.

e) Xây dựng, quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc quản lý, giáo dục và đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của nhà trường. Khai thác hiệu quả Thư viện số, thư viện DlibK12.

g) Tổ chức hiệu quả các hoạt động ngoại khóa cho học sinh

h) 100% học sinh đạt loại tốt, khá về kết quả học tập và rèn luyện.

- Danh hiệu: 36,7% học sinh đạt danh hiệu HS xuất sắc; 54,7% đạt danh hiệu HSG.

- Trao học bổng cho học sinh các lớp chuyên: Cả năm: 4.011.228.000đ. Tăng 979.668.000đ so cùng kỳ.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình THPT: 100%.

- Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT: 100%.

- Số học sinh trúng tuyển ĐH-CD đợt 1 năm 2025: trên 90%.

i) Công tác xã hội hóa trao học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học bổng khuyến học, khuyến tài do các tổ chức, cá nhân hỗ trợ với số tiền: 224.267.800.000đ

k) Kết quả thi đua năm học 2024-2025

- Cá nhân: LĐTT: 47; CSTĐ CS: 43; CSTĐ tỉnh: 01; Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT: 18; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh: 03.

- Tập thể: Tập thể Lao động xuất sắc; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh. Đặc biệt, nhà trường được nhận Cờ thi đua của UBND tỉnh dành cho Tập thể đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua ngành GDĐT năm học 2024-2025.

Trên đây là báo cáo các nội dung công khai năm học 2025-2026 của Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- HT, các PHT, các Tổ CM/VP;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT.

Ngô Khắc Đức